CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

116 NGUYỄN ĐỨC CẢNH – LÊ CHÂN – HẢI PHÒNG

MST : 0200815578

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III
NĂM 2014

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014.

CÔNG TY

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 22/07/2013
- Trụ sở chính của Công ty:
  Địa chỉ : Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
  Điện thoại : (031)3 854 626
  Fax : (031)3 782 326

- Hoạt động chính của Công ty: Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Môi giới hợp đồng hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính; Kinh doanh bất động sản.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2014, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính .

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính quý 3 năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn hoạt động trên và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Phùng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trọng Cường	Thành viên
Bà Bùi Thị Trà	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

M.S.D.N: 0200815578 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY
Q. LÊ CHÂN - TP. HẢI PHÒNG

Vũ Văn Cảnh
Giám đốc
Hải Phòng, ngày 16 tháng 10 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

ĐVT: VNĐ

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	01/01/2014
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	**100**		**1.001.311.162.460**	**481.772.633.791**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5.1**	**160.950.640.856**	**177.402.247.656**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		160.950.640.856	177.402.247.656
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**326.542.330.000**	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	**5.2**	326.542.330.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**178.553.109.856**	**174.304.167.251**
1. Phải thu của khách hàng	131		10.891.000.000	1.881.500.000
2. Trả trước cho người bán	132		22.603.795.903	23.900.434.297
5. Các khoản phải thu khác	135	**5.3**	145.058.313.953	148.522.232.954
IV. Hàng tồn kho	**140**		**320.399.078.402**	**128.012.064.615**
1. Hàng tồn kho	141	**5.4**	320.399.078.402	128.012.064.615
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**14.866.003.346**	**2.054.154.269**
1. Chi phi trả trước ngắn hạn	151			220.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.470.827.746	888.491.407
3. Ký quỹ	153			945.662.862
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		395.175.600	
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	**200**		**226.290.767.019**	**197.715.404.093**
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc				
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			**3.473.526.784**
II. Tài sản cố định	**220**	**5.5**	**4.256.604.423**	3.473.526.784
1. TSCĐ hữu hình	221		4.256.604.423	4.757.229.525
- Nguyên giá	222		4.772.178.705	4.757.229.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(515.574.282)	(1.283.702.741)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	**240**			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5.6**	**221.975.347.386**	**193.427.347.386**
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		180.000.000.000	160.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		43.077.347.386	33.427.347.386
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1.102.000.000)	
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**58.815.210**	**814.529.923**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	**5.7**	58.815.210	814.529.923
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	**270**		**1.227.601.929.479**	**679.488.037.884**

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	01/01/2014
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	**300**		**548.804.044.506**	**182.322.218.755**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**548.804.044.506**	**182.322.218.755**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	**5.8**		
2. Phải trả cho người bán	312		435.494.797.238	116.076.838.550
3. Người mua trả tiền trước	313		28.392.519.169	8.259.554.610
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	**5.9**	143.617.047	63.466.457
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316		8.831.000.000	982.000.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	**5.10**	48.684.755.456	48.417.055.856
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	**5.11**	8.498.803.282	8.523.303.282
II. Nợ dài hạn	**330**			
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	**400**		**678.797.884.973**	**497.165.819.129**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.12**	**678.797.884.973**	**497.165.819.129**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		573.642.410.000	382.499.480.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.116.236.000	14.270.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.102.500.000	
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.183.151.000	5.183.151.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.494.600.000	3.494.600.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		78.258.987.973	91.718.588.129
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	**440**		**1.227.601.929.479**	**679.488.037.884**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu				
5. Ngoại tệ các loại (USD)	N05			

Vũ Văn Cảnh
Giám đốc
Hải Phòng, ngày 16 tháng 10 năm 2014

Hồ Thị Xuân Hoà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

Đơn vị tính : VNĐ

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013		Năm 2014	
		Quý 3	Lũy kế 30/09/2013	Quý 3	Lũy kế 30/09/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		108.652.850.343	347.211.497.954	528.021.770.617	851.372.116.919
2. Các khoản giảm trừ					
- Chiết khấu thương mại					
- Giảm giá hàng bán					
- Hàng bán bị trả lại					
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	5.13	108.652.850.343	347.211.497.954	528.021.770.617	851.372.116.919
4. Giá vốn hàng bán	5.14	88.845.426.529	280.324.891.737	473.658.456.349	758.657.649.090
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		19.807.423.814	66.886.606.217	54.363.314.268	92.714.467.829
6. Doanh thu hoạt động tài chính	5.15	721.698.121	1.278.764.427	587.989.706	718.789.005
7. Chi phí tài chính	5.16	246.491.155	4.054.089.317	321.454.122	3.826.160.030
- Trong đó: Lãi vay phải trả				316.068.560	416.777.008
8. Chi phí bán hàng		969.287.500	2.227.350.498	6.963.594.580	9.563.005.936
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		391.382.435	2.630.884.457	9.012.433.827	12.512.284.741
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		18.921.960.845	59.253.046.372	38.653.821.445	67.531.806.127
11. Thu nhập khác				453.	2.000.000.453
12. Chi phí khác				3.848.134	2.341.940.335
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)				-3.847.681	-341.939.882
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		18.921.960.845	59.253.046.372	38.649.973.764	67.189.866.245
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.17	118.801.714	258.068.291	18.690.555	47.466.401
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)		18.803.159.131	58.994.978.081	38.631.283.209	67.142.399.844

M.S.D.N: 0200815278 CTCP CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY Q.LÊ CHÂN - TP. HẢI PHÒNG

Vũ Văn Cảnh
Giám đốc
Hải Phòng, ngày 16 tháng 10 năm 2014

Hồ Thị Xuân Hoà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)- Lũy kế từ đầu năm

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**59,253,046,372**	**67,189,866,245**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	385,457,381	515,574,282
- Các khoản dự phòng	3	391,783,339	1,102,000,000
- Các khoản dự phòng hoàn nhập	3	(391,783,339)	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	4,047,514,317	1,804,667,347
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		3,848,133
- Chi phí lãi vay	06		416,777,008
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**63,686,018,070**	**71,032,733,015**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(45,792,621,019)	(17,831,278,944)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(10,114,433,132)	(35,037,239,353)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	72,869,485,419	347,747,773,437
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	27,420,333	975,714,713
- Tiền lãi vay đã trả	13		(416,777,008)
- Thuế TNDN đã nộp	14	143,016,577	(99,911,171)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2,374,333,445	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(531,164,000)	(16,848,133)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**82,662,055,693**	**366,354,166,556**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	**21**	(1,439,940,000)	
2. Tiền thu từ thanh lý , nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác.	22		
3 . Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(299,500,000,000)	(366,542,330,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	443,489,000,000	40,000,000,000
5 .Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(269,650,000,000)
6 . Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,278,764,427	138,338,330
7. Thu tiền đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28		80,000,000,000
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	**143,827,824,427**	**(516,053,991,670)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	44,933,960,000	114,643,430,000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu	32		(153,764,000)
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		33,377,520,514
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14,618,968,200)
4. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu.	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**44,933,960,000**	**133,248,218,314**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	**50**	**271,423,840,120**	**(16,451,606,800)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**40,939,228,027**	**177,402,247,656**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		

Vũ Văn Cảnh
Giám đốc
Hải Phòng, ngày 16 tháng 10 năm 2014

Hồ Thị Xuân Hoà
Kế toán trưởng

Hồ Thị Xuân Hòa
Người lập

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 22/07/2013
- Vốn Điều lệ: 573.642.410.000 đồng
- Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 là 23 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đúc sắt thép;
- Đúc kim loại màu;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất xe có động cơ;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơmooc và bán rơmooc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất ô tô xe máy;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải: Thiết bị xe có động cơ, rơ mooc và bán rơ mooc;
- Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng;
- Môi giới hợp đồng hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam (VNĐ) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3.2 Hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo Tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo Tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo Tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân di động. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

4.4 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu : Theo giá gốc.

4.5 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	6-10
Thiết bị văn phòng	3-10
Phương tiện vận tải	6-10
Tài sản khác	4-25

4.6 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

- **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, lãi tỷ giá hối đoái. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm : Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay lãi vay phải trả, lỗ chênh lệch tỷ giá gối đoái, các khoản chi phí tài chính khác.
Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.8 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các bên góp vốn.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã được góp bằng tiền theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối :

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuạn chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh sai sót trngj yếu của các năm trước.
Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được giảm thuế theo Điều kiện miễn giảm thuế cho "Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật" theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ, việc thoả mãn các tiêu chuẩn Cơ sở kinh doanh của người tàn tật và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN .

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	64,330,579,856	176,231,268
Tiền gửi ngân hàng	96,620,061,000	177,226,016,388
Các khoản tương đương tiền		
Tổng cộng	**160,950,640,856**	**177,402,247,656**

5.3 Các khoản phải thu khác

	30/09/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí của Dự án nhà ở thu nhập thấp (*)	5,145,131,019	2,686,785,020
Phải thu của Công ty CPTM Hưng Việt	139,913,182,934	145,835,447,934
Tổng cộng	**145,058,313,953**	**148,522,232,954**

(*) Phản ánh các khoản đã chi liên quan đến dự án Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại Xã An Đồng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng .

Thể hiện khoản đầu tư góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02 ngày 31 tháng 12 năm 2011 số tiền góp vốn theo hợp đồng 300.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tỷ đồng) mục đích góp vốn vào Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt để cùng nhau hợp tác kinh doanh thực hiện dự án " Golden land Building". Thời hạn hợp đồng 03 năm kể từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2014. Công ty đã góp vốn đầu tư vào hợp đồng hợp

tác kinh doanh trên là 260.824.447.934 đồng tuy nhiên theo nghị quyết đại hội cổ đông số 02-NQĐHCT ngày 05/02/2013 được cổ đông thông qua định hướng dừng việc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, xin rút vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên, chấp nhận không hưởng lãi để tập trung nguồn lực kinh doanh cho công ty. Tại ngày 30/09/2014 số tiền đầu tư còn lại là 139.913.182.934.

Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt được lập thành ngày 21/07/2006 và đang quản lý dự án xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại dịch vụ nhà ở GOLDENLAND –BUILDING. Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt là Công ty chịu sự kiểm soát của ông Đỗ Hữu Hạ cũng đồng thời là cổ đông có quyền kiểm soát đối với Công ty.

5.4 Hàng tồn kho

	30/09/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	215,519,994,875	53,115,983,834
Hàng hóa	95,646,258,799	13,294,936,125
Chi phí SXKD dở dang	511,605,000	
Thành phẩm	8,721,219,728	61,601,144,656
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	**320,399,078,402**	**128,012,064,615**

5.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình.	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ	**4,524,912,727**	**232,316,798**	**4,757,229,525**
Tại ngày 01/01/2014	4,524,912,727	232,316,798	4,757,229,525
Mua trong kỳ	2,989,021,907		2,989,021,907
Giảm trong kỳ	2,974,072,727		2,974,072,727
Tại ngày 30/09/2014	**4,539,861,907**	**232,316,798**	**4,772,178,705**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			-
Tại ngày 01/01/2014	1,117,041,443	166,661,298	1,283,702,741
Khấu hao trong kỳ	227,934,147	42,797,520	270,731,667
Thanh lý, nhượng bán	1,038,860,126		1,038,860,126
Tại ngày 30/09/2014	**306,115,464**	**209,458,818**	**515,574,282**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014	**3,407,871,284**	**65,655,500**	**3,473,526,784**
Tại ngày 30/09/2014	**4,233,746,443**	**22,857,980**	**4,256,604,423**

5.6 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

	30/09/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang		80,000,000,000
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	80,000,000,000	80,000,000,000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	33,427,347,386	33,427,347,386
Công ty CPĐT xây dựng Hoàng Hiệp	100,000,000,000	
Đầu tư dài hạn khác	9,650,000,000	
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1,102,000,000)	
Tổng cộng	**221,975,347,386**	**193,427,347,386**

Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang được thành lập ngày 21/09/2013 do sở kế kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp mã số doanh nghiệp 0201312898 với số vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng trong đó Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy góp vốn là 80.000.000.000 đồng tính đến ngày 31/12/2013 Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy đã góp được 80.000.000.000 đồng. Căn cứ vào biên bản họp HĐQT của Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy, căn cứ hợp đồng chuyển nhượng cổ phần được ký kết, tính đến ngày 30/09/2014 Công ty đã thực hiện xong việc chuyển nhượng cổ phần.

Thể hiện khoản góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0201322832 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 22 tháng 11 năm 2013 với số vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng trong đó Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy góp vốn là 80.000.000.000 đồng tính đến ngày 30/09/2014 Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy đã góp được 80.000.000.000 đồng

Thể hiện khoản góp vốn vào Công ty TNHH Pruksa Việt Nam theo giấy chứng nhận đầu tư số 021022000215 do ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 02 tháng 01 năm 2013, tính đến ngày 30/09/2014 Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy đã góp được 33.427.347.386 đồng.

Thể hiện khoản góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp theo giấy chứng nhận đầu tư số 0312822848 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 06 năm 2014, tính đến ngày 30/09/2014 Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy đã góp được 100.000.000.000 đồng.

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2014 VND	01/01/2014 VND
Tại ngày 01/01/2014	814,529,923	814,529,923
Tăng trong kỳ	43,202,361	
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong kỳ	(798,917,074)	
Tại ngày 30/09/2014	**58,815,210**	**814,529,923**

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế TNDN	141,817,047	63,466,457
Thuế TNCN	1,800,000	
Tổng cộng	**143,617,047**	**63,466,457**

5.10 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/09/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47,074,020,000	47,074,020,000
Phải trả cá nhân	170,000,000	170,000,000
Thuế nhập khẩu đã nộp	267,699,600	
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	1,173,035,856	1,173,035,856
Tổng cộng	**48,684,755,456**	**48,417,055,856**

5.11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	30/09/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ khen thưởng	5,778,233,522	5,802,733,522
Quỹ phúc lợi	2,720,569,760	2,720,569,760
Tổng cộng	**8,498,803,282**	**8,523,303,282**

5.12 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Các quỹ khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	382,499,480,000	14,270,000,000	8.677.751.000	91.718.588.129	497.165.819.129
Phát hành CP trả cổ tức	76.499.500.000			(76.499.500.000)	
Phát hành CP cho cổ đông	114.643.430.000				114.643.430.000
Lãi trong kỳ				67.142.399.844	67.142.399.844
Trích quỹ					
Chi phí phát hành CP		(153.764.000)			(153.764.000)
Quỹ dự phòng vốn điều lệ			4.102.500.000	(4.102.500.000)	
Tại ngày 30/09/2014	573.642.410.000	14.116.236.000	12.780.251.000	78.258.987.973	678.797.884.973

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 573.642.410.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp đủ

	30/09/2013 VNĐ	30/09/2014 VND
5.13 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu cung cấp hàng hóa	345,590,748,619	528,021,770,617
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,620,749,335	
Tổng cộng	**347,211,497,954**	**528,021,770,617**

5.14 Giá vốn	30/09/2013 VNĐ	30/09/2014 VND
Giá vốn của hàng hóa	278,957,909,414	473,658,456,349
Giá vốn của dịch vụ	1,366,982,323	
Tổng cộng	**280,324,891,737**	**473,658,456,349**

5.15 Doanh thu hoạt động tài chính	30/09/2013 VNĐ	30/09/2014 VND
Lãi tiền gửi	795,751,927	85,274,031
Thu lãi từ hoạt động cho vay	476,437,500	
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	6,575,000	502,715,675
Tổng cộng	**1,278,764,427**	**587,989,706**

5.16 Chi phí tài chính	30/09/2013 VNĐ	30/09/2014 VND
Lãi vay phải trả		316,068,560
Chênh lệch tỷ giá	4,054,089,317	5,385,562
Tổng cộng	**4,054,089,317**	**321,454,122**

5.17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.	30/09/2013 VNĐ	30/09/2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18,921,960,845	38,649,973,764
Thu nhập chịu thuế	18,921,960,845	38,649,973,764
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường (22%)	4,730,490,211	8,502,994,228
Miễn thuế TNDN theo ưu đãi	(4,611,688,497)	(8,484,303,673)
Thuế TNDN	118,801,714	18,690,555

(*) Giảm thuế theo Điều kiện miễn giảm thuế cho "Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật" theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và các quy định hiện hành.

5.18 Cam kết góp vốn Liên doanh

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Pruksa Internetional dự kiến thánh lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam để thực hiện dự án nhà thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Theo đó, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty TNHH Pruksa Việt Nam lần lượt là 15.000.000 USD và 85.000.000 USD (trong đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy và Công ty TNHH Pruksa Internetional lần lượt là 15% và 85%).

Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Tổng mức đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng (trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng), chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

5.19 Giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	
Mua hàng hoá, dịch vụ	41.600.800.000
Giá trị hàng hoá dịch vụ đã cung cấp	

6. PHÂN TÍCH CHI TIÊU KINH DOANH THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động theo khu vực địa lý và báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này là:

* Miền bắc : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Bắc.

* Miền Trung : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Trung

* Miền Nam : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Nam

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau.

Doanh thu	**Miền bắc** **30/09/2014**	**Miền Trung** **30/09/2014**	**Miền Nam** **30/09/2014**	**Tổng cộng**
Doanh thu hàng hóa	126,116,506,966	227,209,809,103	174,695,454,548	528,021,770,617
Doanh thu dịch vụ				-
Tổng cộng	**126,116,506,966**	**227,209,809,103**	**174,695,454,548**	**528,021,770,617**
				-

Giá vốn của hàng hóa dịch vụ	**Miền bắc** **30/09/2014**	**Miền Trung** **30/09/2014**	**Miền Nam** **30/09/2014**	**Tổng cộng**
Giá vốn của hàng	110,070,886,784	206,698,164,763	156,889,404,802	473,658,456,349
Giá vốn của dịch vụ				-
Tổng cộng	**110,070,886,784**	**206,698,164,763**	**156,889,404,802**	**473,658,456,349**
				-

Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	**Miền bắc** **30/09/2014**	**Miền Trung** **30/09/2014**	**Miền Nam** **30/09/2014**	**Tổng cộng**
Lợi nhuận gộp từ hàng hóa	16,045,620,182	20,511,644,340	17,806,049,746	54,363,314,268
Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ				-
Tổng cộng	**16,045,620,182**	**20,511,644,340**	**17,806,049,746**	**54,363,314,268**
				-

Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu của khách hàng	**Miền bắc** **30/09/2014**	**Miền Trung** **30/09/2014**	**Miền Nam** **30/09/2014**	**Tổng cộng**
Phải thu của khách hàng	7,640,000,000	3,028,000,000	223,000,000	10,891,000,000

Trả trước cho người bán	**DN nước ngoài** **30/09/2014**	**DN trong nước** **30/09/2014**	**Tổng cộng**
Trả trước cho người bán	13,969,296,000	8,634,499,903	22,603,795,903

Các khoản phải trả ngắn hạn

Khách hàng trả tiền trước	**Miền bắc** **30/09/2014**	**Miền Trung** **30/09/2014**	**Miền Nam** **30/09/2014**	**Tổng cộng**
Khách hàng trả tiền trước	4,153,519,169	6,173,000,000	18,066,000,000	28,392,519,169

Phải trả cho người bán	**DN nước ngoài** **30/09/2014**	**DN trong nước** **30/09/2014**	**Tổng cộng**
Phải trả cho người bán	419,325,048,543	16,169,748,695	435,494,797,238

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện sau ngày khoá sổ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính

7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 31/12/2013 được Công ty TNHH kiểm toán VACO kiểm toán.

7.3. Giải trình chênh lệch lợi nhuận quý 3 năm 2013 so với quý 3 năm 2014

Lợi nhuận quý 3 năm 2014 đạt được là 38.631.283.209 VNĐ so với cùng kỳ quý 3 năm 2013 tăng 19.828.124.078 VNĐ , lũy kế 9 tháng đầu năm lợi nhuận đạt được là 67.142.399.844 VNĐ so với cùng kỳ 9 tháng đầu năm 2013 tăng 8.147.421.763 tương ứng với mức tăng trưởng lợi nhuận đạt được là 138%.

Trong quý 2 do khách hàng đang xem xét cân nhắc lựa chọn phương tiện vận tải cho phù hợp với chính sách của Nhà nước về việc kiểm soát trọng lượng xe tải nặng nên doanh thu quý 2 tạm thời bị giảm sút sang quý 3 thị trường ổn định nên doanh thu tăng mạnh, nên mức lợi nhuận đạt được trong quý tăng cao là hoàn toàn phù hợp với thị trường.

Để đạt được mức tăng trưởng lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, lợi nhuận tăng >20% ban lãnh đạo Công ty đã thành công trong việc sử dụng vốn có hiệu quả, mở rộng thị trường, triển khai thêm sản phẩm ô tô mới, tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí tài chính đặc biệt là chi phí lãi vay.

Vũ Văn Cảnh	**Hồ Thị Xuân Hoà**	**Hồ Thị Xuân Hòa**
Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hải Phòng, ngày 16 tháng 10 năm 2014